

TÍNH THÍCH HỢP CỦA THÔNG TIN KẾ TOÁN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH: TRƯỜNG HỢP CÁC DOANH NGHIỆP THỦY SẢN XUẤT KHẨU VIỆT NAM

Lê Thị Loan¹, Lê Thị Diệp¹, Phạm Thị Ngọc¹

TÓM TẮT

Chất lượng thông tin kế toán của doanh nghiệp ảnh hưởng đến việc ra quyết định, do đó được rất nhiều đối tượng quan tâm. Để đánh giá chất lượng thông tin kế toán có thể sử dụng nhiều thuộc tính trong đó tính thích hợp là một trong hai thuộc tính cơ bản (FASB, 1980; IASB, 2018). Bài viết này tập trung nghiên cứu về tính thích hợp của thông tin kế toán trên báo cáo tài chính của các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam giai đoạn 2021 - 2023 theo quan điểm của FASB và IASB. Trên cơ sở đó, đề xuất một số khuyến nghị nhằm tăng cường tính thích hợp của thông tin kế toán trên báo cáo tài chính của các doanh nghiệp này trong thời gian tới.

Từ khóa: Báo cáo tài chính, doanh nghiệp, thích hợp, thông tin kế toán, thủy sản, xuất khẩu.

DOI: <https://doi.org/10.70117/hdujs.72.02.2025.705>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh kinh tế hiện nay, thông tin kế toán trên báo cáo tài chính (BCTC) đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các bên liên quan đưa ra các quyết định kinh tế. Tính thích hợp là một trong hai thuộc tính cơ bản của thông tin kế toán. Tuy nhiên, tính thích hợp của thông tin kế toán thường bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như môi trường pháp lý, tính minh bạch trong quá trình ghi nhận cũng như ý chí chủ quan của người lập báo cáo... Những yếu tố này có thể dẫn đến việc thông tin kế toán không đáp ứng được nhu cầu của các đối tượng sử dụng, làm giảm giá trị của BCTC trong việc hỗ trợ quyết định. Chính vì vậy, nghiên cứu và đánh giá tính thích hợp của thông tin kế toán không chỉ giúp đảm bảo chất lượng thông tin trên BCTC, mà còn tạo điều kiện thúc đẩy tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự tin cậy của người sử dụng thông tin đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế.

Ngành chế biến thủy sản là ngành kinh tế mũi nhọn và đi đầu trong hội nhập kinh tế quốc tế. Việc tham gia các Hiệp định tự do thương mại đã đem lại nhiều cơ hội cho ngành thủy sản nói chung và các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam nói riêng trong việc mở rộng thị trường, khả năng tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu và đặc biệt là cơ hội thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Những nhà đầu tư thường nghiên cứu các thông tin kế toán được công bố trên BCTC, điều này đòi hỏi các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam phải đảm bảo chất lượng thông tin công bố trong đó có việc đảm bảo thuộc tính thích hợp của thông tin kế toán.

¹ Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Hồng Đức; Email: lethiloan@hdu.edu.vn

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận

Các quy định liên quan đến tính thích hợp của thông tin kế toán được đề cập ở báo cáo của các tổ chức nghề nghiệp quốc tế, các quy định của pháp luật ở các quốc gia. Ngoài ra thuộc tính này cũng được nhiều nhà nghiên cứu ở các quốc gia quan tâm. Theo Hội đồng chuẩn mực kế toán tài chính Hoa Kỳ - FASB (1980), thông tin kế toán thích hợp là thông tin giúp người ra quyết định (người sử dụng) có thể thay đổi quyết định của mình [11]. Thông tin đó có giá trị dự đoán hay đánh giá và kịp thời. Quan điểm của IASB (2018) tiếp tục khẳng định tính thích hợp là thuộc tính cơ bản của thông tin tài chính hữu ích. Thông tin tài chính thích hợp có khả năng tạo ra sự khác biệt trong các quyết định của người dùng [13]. Một số nghiên cứu của các nhà khoa học lại xem xét tính thích hợp của thông tin dựa trên các số liệu kế toán và mối quan hệ giữa số liệu kế toán với giá trị doanh nghiệp [9]. Tính thích hợp là khả năng các con số kế toán giải thích giá trị thị trường trên mỗi cổ phiếu [7]. Tương ứng với các quan điểm trên, để đo lường tính thích hợp của thông tin trên BCTC có thể sử dụng một số mô hình như: Mô hình EBO (Mô hình Ohlson), Mô hình tỷ suất sinh lợi của Easton và Harris (1991) hoặc có thể dựa vào tiêu chí của FASB, IASB để đánh giá tính thích hợp của thông tin. Vấn đề cần thiết là xác định thang đo cụ thể, phù hợp với đối tượng nghiên cứu và bối cảnh nghiên cứu.

Mô hình EBO (hay còn được gọi là mô hình Ohlson) là mô hình được sử dụng để đo lường tính thích hợp của thông tin kế toán dựa trên sự tương quan giữa giá cổ phiếu với hai biến độc lập là giá trị sổ sách trên cổ phiếu và thu nhập trên cổ phiếu. Thông tin tài chính thích hợp khi những số liệu kế toán có mối quan hệ với giá trị công ty hiện hành. Trong trường hợp không có mối quan hệ giữa những số liệu kế toán với giá trị công ty thì thông tin được coi là không thích hợp. Mô hình tỷ suất sinh lợi của Easton và Harris (1991) mô tả mối quan hệ giữa lợi nhuận trên cổ phiếu và lợi nhuận kế toán. Mô hình này sử dụng dữ liệu trên báo cáo kết quả hoạt động để đánh giá tính thích hợp của thông tin [10]. Nhìn chung, hai mô hình này đã có ý nghĩa trong nghiên cứu và làm rõ mối quan hệ giữa số liệu kế toán với giá trị công ty. Tuy vậy, trên thực tế giá cổ phiếu đôi khi không phản ánh chính xác được giá thị trường của các công ty do đó sử dụng hai mô hình này để đánh giá tính phù hợp của thông tin kế toán trên BCTC không đúng cho tất cả các trường hợp. Bên cạnh đó, hai mô hình này chưa quan tâm đến thông tin tài chính và thông tin phi tài chính một cách đầy đủ. Điều kiện áp dụng của các mô hình này là các công ty niêm yết trên TTCK do đó các công ty không niêm yết không vận dụng được các mô hình này. Phương pháp đánh giá dựa vào tiêu chí của FASB, IASB có thể được sử dụng để đánh giá tính thích hợp của thông tin kế toán trên BCTC của nhiều loại hình doanh nghiệp khác nhau. Tuy nhiên để đánh giá chính xác và cụ thể thì việc mô tả các nội dung phải thực sự rõ ràng và cần thu thập đầy đủ dữ liệu của các công ty nghiên cứu. Trong bài viết này, quan điểm về tính thích hợp cùng với phương pháp đánh giá tính thích hợp của thông tin kế toán trên BCTC của các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam bao gồm cả các công ty niêm yết và không niêm yết được tiếp cận theo quan điểm của FASB và IASB.

Bảng 1. Các nội dung đánh giá tính thích hợp của thông tin trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam

| STT | Nội dung | Căn cứ đề xuất |
|-----|--|---|
| 1 | Thuyết minh báo cáo tài chính cung cấp đầy đủ các thông tin về rủi ro và chính sách quản lý rủi ro của doanh nghiệp | FASB (1980), IASB (2018), Jonas và Blanchet (2000) |
| 2 | Báo cáo tài chính sử dụng giá trị hợp lý làm cơ sở đo lường. | FASB (1980), IASB (2018), Barth và cộng sự (2001), Nguyễn Trọng Nguyễn (2015) |
| 3 | Trong thuyết minh báo cáo tài chính của doanh nghiệp có giải thích thêm các thông tin khác giúp người sử dụng hiểu được các giao dịch và sự kiện trong quá khứ ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp. | FASB (1980), IASB (2018), Jonas và Blanchet (2000) |
| 4 | Thuyết minh báo cáo tài chính trình bày đầy đủ báo cáo bộ phận theo quy định. | VAS 28, Ferdy van Beest (2009), Nguyễn Trọng Nguyễn (2015), Mai Thị Hoa (2020). |
| 5 | Báo cáo tài chính trình bày thông tin về khả năng hoạt động liên tục trong tương lai | FASB (1980), IASB (2018), Trần Thị Phương Mai (2020) |

Nguồn: Tác giả tổng hợp

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu như phương pháp thu thập dữ liệu, phương pháp xử lý và phương pháp phân tích, tổng hợp dữ liệu. Tác giả tiến hành thu thập các dữ liệu trên BCTC của các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam giai đoạn 2021 - 2023. Các doanh nghiệp được lựa chọn để nghiên cứu là các Công ty Cổ phần trong 45 doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản uy tín theo Quyết định số 3235/QĐ-BCT ngày 14/12/2023 của Bộ Công Thương với lý do các công ty này thường công bố thông tin rộng rãi hơn [1]. Tiếp theo, tác giả thực hiện phân tích văn bản là các đoạn thông tin, đoạn dữ liệu trên BCTC của các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam nhằm tìm ra bản chất và đánh giá tính thích hợp của thông tin trên BCTC. Các tài liệu sau khi thu thập sẽ được xử lý để tổng hợp và hệ thống hoá lại những tiêu thức cần thiết, thể hiện bằng bảng biểu từ đó đưa ra các nhận xét, đánh giá về tính thích hợp của thông tin trên BCTC của các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả nghiên cứu

3.1.1. Đặc điểm của mẫu nghiên cứu

Theo Quyết định số 3235/QĐ-BCT ngày 14/12/2023 của Bộ Công Thương có 45 doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu và 01 Nhà máy thực phẩm đóng hộp được xếp hạng xuất khẩu uy tín trong năm 2022 [1]. Trong bài viết này, tác giả nghiên cứu mẫu là 28 Công ty

Cổ phần do khả năng tiếp cận BCTC của các công ty này dễ dàng hơn, từ đó có cơ sở để đánh giá về tính thích hợp của thông tin trên BCTC. Về tình trạng niêm yết, trong số 28 công ty thì có 18 công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán (chiếm tỷ lệ 64,29%) và có 10 công ty không niêm yết trên thị trường chứng khoán (chiếm tỷ lệ 35,71%). Xét về thời gian hoạt động, có 3 công ty có thời gian hoạt động dưới 10 năm (chiếm tỷ lệ 10,71%), có 5 công ty có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 20 năm (chiếm tỷ lệ 17,86%), có 9 công ty có thời gian hoạt động từ 20 năm đến dưới 30 năm (chiếm tỷ lệ 32,14%), có 11 công ty có thời gian hoạt động từ 30 năm trở lên (chiếm tỷ lệ 39,29%). Như vậy, đa phần các công ty nghiên cứu có thời gian hoạt động tương đối dài.

3.1.2. Đánh giá tính thích hợp của thông tin trên báo cáo tài chính của các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam

Về nội dung “Thuyết minh BCTC cung cấp đầy đủ các thông tin về rủi ro và chính sách quản lý rủi ro của doanh nghiệp”

Việc trình bày thông tin về rủi ro và chính sách quản lý rủi ro càng cụ thể thì càng có ý nghĩa đối với các đối tượng sử dụng thông tin đặc biệt là chủ sở hữu và nhà đầu tư. Nghiên cứu hệ thống báo cáo của các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam giai đoạn 2021 - 2023 nhận thấy các doanh nghiệp đã cung cấp thông tin về các rủi ro và chính sách quản lý rủi ro nhưng hình thức công bố khác nhau, đa phần các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán công bố trên Báo cáo thường niên như Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu, Công ty Cổ phần Nam Việt... chỉ một số ít công bố trên thuyết minh BCTC. Nguyên nhân là do những quy định về công bố thông tin tại Thông tư 96/2020/TT-BTC có yêu cầu đối với việc cung cấp thông tin về các rủi ro của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, cũng có một số công ty cổ phần niêm yết trên TTCK đã công bố thông tin về rủi ro rất cụ thể trên thuyết minh BCTC như Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản XNK Thủy sản tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Công ty Cổ phần thủy sản Sóc Trăng, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang.

Về nội dung “BCTC sử dụng giá trị hợp lý làm cơ sở đo lường”

Hệ thống pháp luật về kế toán được quy định tại Việt Nam bao gồm Luật kế toán, Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các văn bản hướng dẫn. Hiện nay, theo các văn bản pháp luật về kế toán thì nguyên tắc giá gốc vẫn là nguyên tắc chủ yếu được sử dụng để đo lường, trừ một số khoản mục như tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Tại các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam hiện nay việc sử dụng các công cụ tài chính cũng khá phổ biến do đó mà các doanh nghiệp cũng đã sử dụng giá trị hợp lý để trình bày các thông tin này (Bảng 2).

Bên cạnh đó, tất cả các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam nghiên cứu đều đã sử dụng kết hợp nguyên tắc giá gốc và nguyên tắc giá trị hợp lý trong việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào đơn vị khác. Tuy nhiên một số doanh nghiệp chưa sử dụng nguyên tắc giá trị hợp lý trong việc ghi nhận tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Nguyên nhân phần lớn là do các quy định pháp lý về kế toán chưa đồng bộ trong vấn đề này.

**Bảng 2. Trình bày thông tin về tài sản tài chính của Công ty Cổ phần
Chế biến XNK thủy sản tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

| Tài sản tài chính | Giá trị ghi sổ (ĐVT: 1.000 VNĐ) | | | | Giá trị hợp lý (ĐVT: 1.000 VNĐ) | |
|-----------------------------------|------------------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|------------------------------------|--------------------|
| | 31/12/2023 | | 01/01/2023 | | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng | | |
| Tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn | 11.752.116 | - | 37.835.546 | - | 11.752.116 | 37.835.546 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 41.185.000 | - | 41.285.000 | - | 41.185.000 | 41.285.000 |
| Cho vay | - | - | 4.000.000 | - | - | 4.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 105.287.986 | (7.439.972) | 94.334.302 | (878.073) | 97.848.014 | 93.456.229 |
| Phải thu khác | 13.727.244 | - | 6.041.720 | - | 13.727.244 | 6.041.720 |
| Đầu tư tài chính | 173.061 | (133.434) | 173.061 | (141.104) | 39.627 | 31.957 |
| Cộng | 172.125.407 | (7.573.406) | 183.669.629 | (1.019.176) | 164.552.001 | 182.650.453 |

(Nguồn: Thuyết minh BCTC của Công ty Cổ phần Chế biến XNK thủy sản tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2023)

Về nội dung “Trong thuyết minh BCTC của doanh nghiệp có giải thích thêm các thông tin khác giúp người sử dụng hiểu được các giao dịch và sự kiện trong quá khứ ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp”

Việc giải thích thêm các thông tin khác để làm rõ hơn các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng rất cần thiết đối với người sử dụng thông tin. Trên thực tế, chỉ có một số công ty trình bày nội dung này ở thuyết minh BCTC như Công ty Cổ phần thực phẩm Sao Ta, Công ty Cổ phần Tập đoàn thủy sản Minh Phú, Công ty Cổ phần XNK thủy sản Miền Trung.

**Bảng 3. Trình bày thông tin về các giao dịch và sự kiện trong quá khứ của
Công ty Cổ phần XNK thủy sản Miền Trung**

| |
|--|
| <p>11. CÁC THÔNG TIN KHÁC</p> <p>Công ty đang phát sinh các vụ kiện thu hồi nợ với hai công ty bao gồm: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR. Theo đó:</p> <p>Đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân: Ngày 21/01/2020, Công ty đã nộp hồ sơ, đơn khởi kiện với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân tại Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình. Qua nhiều phiên tòa xét xử, ngày 10/8/2020, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình ra Quyết định số 03/2020/QĐST-KDTM công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, quyết định có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ</p> |
|--|

tục phúc thẩm. Theo đó, Công ty chấp nhận lịch trả nợ mà Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân đưa ra tại công văn số 87/CV-ĐQ ngày 13/07/2020. Đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân mới chỉ thanh toán được 300.000.000 VND...

(Nguồn: Thuyết minh BCTC của Công ty Cổ phần XNK thủy sản Miền Trung năm 2023)

Về nội dung “Thuyết minh BCTC trình bày đầy đủ báo cáo bộ phận theo quy định.”

Theo quy định Chuẩn mực kế toán số 28, các doanh nghiệp phải trình bày đầy đủ báo cáo bộ phận (BCBP) trên BCTC [2]. Các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam có hoạt động sản xuất kinh doanh đa dạng, ngoài chế biến, nuôi trồng thủy sản còn sản xuất con giống cho nuôi trồng thủy sản, sản xuất, chế biến thức ăn gia súc... Ngoài ra, thị trường hoạt động của các doanh nghiệp này cũng đa dạng cả xuất khẩu và nội địa. Với xuất khẩu thì có nhiều thị trường khác nhau như Anh, Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản... Thị trường nội địa cũng đa dạng ở nhiều vùng với các tỉnh thành khác nhau. Do đó, việc cung cấp thông tin một cách đầy đủ về BCBP trên thuyết minh BCTC là vô cùng cần thiết cho việc đánh giá rủi ro và lợi ích kinh tế của doanh nghiệp. Kết quả phân tích hệ thống BCTC của các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam cho thấy, có 23/28 công ty có trình bày BCBP, tuy nhiên mức độ trình bày khác nhau, có công ty trình bày đầy đủ BCBP theo lĩnh vực hoạt động và theo khu vực địa lý, có công ty chỉ trình bày theo khu vực địa lý.

Bảng 4. Trình bày báo cáo bộ phận của Công ty Cổ phần Kiên Hùng

| <i>Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý</i> | | | |
|--|-----------------|-----------------|-----------------|
| Chỉ tiêu | Nội địa | Xuất khẩu | Tổng cộng |
| Doanh thu thuần | 221.664.669.864 | 407.731.011.081 | 629.395.680.945 |
| Giá vốn | 203.673.490.693 | 374.637.953.542 | 578.311.444.235 |
| Lợi nhuận gộp | 40.091.923.738 | 58.784.695.770 | 98.876.619.508 |

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của công ty. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc của công ty cho rằng hoạt động sản xuất là một bộ phận kinh doanh duy nhất.

(Nguồn: Thuyết minh BCTC của Công ty Cổ phần Kiên Hùng năm 2023)

Các công ty không công bố BCBP có lý giải trong thuyết minh BCTC là do doanh thu hoạt động khác chiếm tỷ trọng nhỏ hoặc chỉ hoạt động trong một khu vực địa lý, tuy nhiên chưa có số liệu tính toán minh chứng cụ thể cho vấn đề này.

Về nội dung “Báo cáo tài chính trình bày thông tin về khả năng hoạt động liên tục trong tương lai”

Nguyên tắc hoạt động liên tục là một trong những nguyên tắc cơ bản khi lập và trình bày BCTC. Chính vì vậy, ngay cả khi khuôn khổ về lập và trình bày BCTC không quy định rõ thì các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam cũng cần phải đánh giá về khả năng hoạt động liên tục của mình. Kết quả nghiên cứu hệ thống BCTC của các doanh nghiệp thủy

sản xuất khẩu Việt Nam giai đoạn 2021 - 2023 cho thấy chỉ có Công ty Cổ phần thủy sản Sóc Trăng trong mục “Những thông tin khác” trên thuyết minh BCTC có khẳng định rằng Công ty vẫn tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai.

3.2. Thảo luận

Từ kết quả nghiên cứu cho thấy, các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam cũng đã quan tâm đến việc cung cấp các thông tin về rủi ro và chính sách quản lý rủi ro, mặc dù hình thức khác nhau, có thể công bố trên thuyết minh BCTC cũng có thể công bố trên Báo cáo thường niên. Sự khác biệt này xuất phát từ những quy định pháp lý về kế toán của Việt Nam. Một số công ty cũng đã quan tâm đến việc giải thích thêm các thông tin khác trên thuyết minh BCTC từ đó giúp người sử dụng hiểu được các giao dịch và sự kiện trong quá khứ ảnh hưởng đến hoạt động của các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam. Ngoài ra, đa số các doanh nghiệp khảo sát cũng đã trình bày BCBP theo yêu cầu của Chuẩn mực kế toán số 28. Việc trình bày những thông tin như trên đã đảm bảo theo quy định của pháp luật Việt Nam và phần nào đã đáp ứng được nhu cầu thông tin của các đối tượng sử dụng.

Tuy nhiên, việc trình bày các thông tin liên quan đến tính thích hợp vẫn còn một số tồn tại. Việc sử dụng giá trị hợp lý để đo lường các chỉ tiêu vẫn còn hạn chế. Nhiều doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam chưa trình bày và giải thích các giao dịch và sự kiện trong quá khứ để làm rõ cho các đối tượng sử dụng thông tin. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam cũng chưa trình bày đầy đủ BCBP theo quy định. Hầu hết các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam chưa cung cấp thông tin về khả năng hoạt động liên tục trong thuyết minh BCTC.

Từ kết quả nghiên cứu trên, để tăng cường tính thích hợp của thông tin trên BCTC của các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam, tác giả đề xuất một số khuyến nghị sau đây:

Đối với Bộ Tài chính

Bộ Tài chính cần nhanh chóng hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về kế toán nhằm tạo nền tảng cho các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam trình bày thông tin trên BCTC theo hướng công khai minh bạch, thống nhất việc trình bày thông tin về rủi ro và chính sách quản lý rủi ro trên BCTC của tất cả các doanh nghiệp và quy định cụ thể về việc sử dụng giá trị hợp lý trong ghi nhận và trình bày các thông tin trên BCTC. Bộ Tài chính cũng cần ban hành những văn bản quy định xử phạt nghiêm minh đối với các sai phạm liên quan đến việc công bố thông tin trên BCTC từ đó tạo niềm tin cho người sử dụng thông tin.

Đối với các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam

Một là, để tăng cường tính thích hợp cho thông tin kế toán thì các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu nên bổ sung và giải thích thêm các thông tin khác có liên quan về các giao dịch và sự kiện trong quá khứ ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp nhằm giúp các đối tượng sử dụng thông tin có cái nhìn đầy đủ và có dự đoán chính xác hơn về tình hình hoạt động của doanh nghiệp trong tương lai.

Hai là, các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam cần trình bày BCBP một cách cụ thể:

Theo quy định của chuẩn mực kế toán số 28 và đặc thù hoạt động của các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam thì cần phải trình bày rõ ràng tất cả các hoạt động kinh doanh

của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp cần lập BCBP theo khu vực địa lý nếu hoạt động ở nhiều khu vực khác nhau, càng chi tiết càng tốt, có thể trình bày theo từng quốc gia, từng lục địa, còn trong nước thì chia rõ từng vùng hoặc từng tỉnh một cách cụ thể. Đồng thời, cũng cần lập BCBP theo lĩnh vực kinh doanh, nếu không trình bày cần có số liệu để chỉ rõ nguyên nhân. Khuyến khích các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam trình bày thêm các chỉ tiêu đánh giá kết quả hoạt động của bộ phận, đây cũng là thông tin thích hợp cho việc ra quyết định.

Ba là, các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam cũng cần khẳng định về khả năng hoạt động liên tục trong tương lai trên báo cáo tài chính

Khi lập và trình bày BCTC, Ban Giám đốc phải đánh giá cụ thể về khả năng hoạt động liên tục của đơn vị. Chính vì vậy, các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam cần phải đánh giá về khả năng hoạt động liên tục trong tương lai và cần trình bày rõ thông tin này trên thuyết minh BCTC, nhất là trong bối cảnh nền kinh tế thường xuyên biến động như hiện nay.

Bốn là, nâng cao nhận thức của nhà quản trị các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam về việc công bố các thông tin liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp theo hướng công khai, minh bạch nhằm đảm bảo tính thích hợp của thông tin kế toán trên BCTC giúp người sử dụng thông tin ra quyết định đúng đắn.

Năm là, nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp của kế toán trong các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam nhằm đảm bảo việc cung cấp thông tin kế toán trên BCTC đúng quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu của hội nhập kinh tế thế giới.

4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu về tính thích hợp của thông tin trên BCTC của các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam nhận thấy, các doanh nghiệp này vẫn còn một số hạn chế trong việc sử dụng nguyên tắc giá trị hợp lý, việc trình bày và giải thích các giao dịch và sự kiện trong quá khứ, việc công bố BCBP và khẳng định khả năng hoạt động liên tục. Trên cơ sở đó, tác giả đã đề xuất một số khuyến nghị đối với Bộ Tài chính trong việc hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý về kế toán và đối với các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam cần phải giải thích thêm các thông tin khác giúp người sử dụng hiểu được các giao dịch và sự kiện trong quá khứ ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, trình bày và công bố BCBP một cách cụ thể cũng như khẳng định thông tin về khả năng hoạt động liên tục trong tương lai trên BCTC của doanh nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Công thương (2023), *Quyết định số 3235/QĐ-BCT ngày 14 tháng 12 năm 2023 về việc phê duyệt và công bố danh sách “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” năm 2022.*
- [2] Bộ tài chính (2006), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam*, Nxb. Tài chính, Hà Nội.
- [3] Các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam (2021 - 2023), *Báo cáo tài chính các năm của các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam.*
- [4] Các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam (2021 - 2023), *Báo cáo thường niên các năm của doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu tại Việt Nam.*
- [5] Trần Thị Phương Mai (2020), *Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, Luận án tiến sĩ kinh tế*, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

- [6] Nguyễn Trọng Nguyên (2015), *Tác động của quản trị công ty đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính tại các công ty niêm yết ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
- [7] Balagobei, S. (2017), *Audit Committee and Value Relevance of Accounting Information of Listed Hotels and Travels in Sri Lanka*, Asian Journal of Finance & Accounting, 9(2):387-398.
- [8] Barth, M.E., Landsman, W.R., Lang, M.H. (2008), *International accounting standards and accounting quality*, Journal of accounting research, 46(3):467- 498.
- [9] Beisland, L. A. (2009), *A review of the value relevance literature*, The Open Business Journal, 2(1):7-27.
- [10] Easton, P.D., Harris, T.S. (1991), *Earnings as an explanatory variable for returns*, Journal of accounting research, 29(1):19-36.
- [11] FASB (1980), *Statement of Financial Accounting Concepts No.2: Qualitative Characteristics of Accounting Information*, Financial Accounting Standards Board.
- [12] Ferdy van Beest, Geert Braam, Suzanne Boelens (2009), *Quality of financial Reporting: measuring qualitative characteristics*, Nice working:09-108.
- [13] IASB (2018), *Conceptual Framework 2018*, <https://www.ifrs.org/projects/completed-projects/2018/conceptual-framework>, [Accessed November 15th, 2024].
- [14] Jonas, G. & Blanchet, J. (2000), *Assessing Quality of Financial Reporting*, Accounting Horizons, 14(3):353-363.

THE RELEVANCE OF ACCOUNTING INFORMATION ON FINANCIAL STATEMENTS: THE CASE OF VIETNAMESE SEAFOOD EXPORT ENTERPRISES

Le Thi Loan, Le Thi Diep, Pham Thi Ngoc

ABSTRACT

The quality of accounting information of enterprises affects decision making and is therefore of interest in many subjects. To assess the quality of accounting information, many attributes can be used, of which relevance is one of the two basic attributes (FASB, 1980; IASB, 2018). This article focuses on the relevance of accounting information on the financial statements of Vietnamese seafood exporting enterprises in the period of 2021 – 2023 from the perspective of FASB and IASB. On that basis, some recommendations are proposed to enhance the relevance of accounting information on the financial statements of these enterprises in the coming time.

Keywords: *Financial statements, enterprises, relevance, information accounting, seafood, export.*

* Ngày nộp bài: 2/12/2024; Ngày gửi phản biện: 26/12/2024; Ngày duyệt đăng: 28/2/2025